

Thứ hai, ngày 27 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/4/2020		●	
Tuần 27/4-1/5/2020		●	
Tháng 4/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong những phút đầu phiên, VN-Index giao dịch tích cực và nối tiếp đà hồi phục. Các cổ phiếu trụ cột như GVR, VNM, VPB, VIC là các mã kéo chỉ số tăng. Tuy vậy, áp lực bán xuất hiện mạnh trong khoảng thời gian còn lại đã khiến cho VN-Index lùi về sau mốc tham chiếu. Mặc dù vậy, một số cổ phiếu thuộc nhóm vốn hóa vừa và nhỏ vẫn ghi nhận đà tăng tốt khi được dòng tiền hướng đến. Thị trường có phiên điều chỉnh trái ngược với xu hướng chung của các TTCK lớn khác trong khu vực. Thanh khoản duy trì ở mức ổn định trong khi khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng. Trong tuần này, các công ty niêm yết còn lại cũng sẽ công bố KQKD quý I. Đây sẽ là một yếu tố quan trọng có tác động đáng kể đến VN-Index trong thời điểm này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 670 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/4/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_3.8%

Phân tích kỹ thuật: TIP_ Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.89 điểm**, đóng cửa 770.77. HNX-Index **-0.67 điểm**, đóng cửa 106.30.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+6.93%)**; **VPB (+2.44%)**; **POW (+3.66%)**; **KBC (+6.67%)**; **PHR (+6.38%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-3.05%)**; **BID (-2.50%)**; **VIC (-1.08%)**; **GAS (-1.38%)**; **VHM (-0.77%)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,772 tỷ đồng**, **+18%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 14.97 điểm. Thị trường có 186 mã tăng, 55 mã tham chiếu và 175 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **463.53 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (106.87 tỷ), VPB (83.06 tỷ) và VRE (57.81 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **12.85 tỷ đồng**.

VN-INDEX **770.77**Giá trị: 3772.53 tỷ **-5.89 (-0.76%)**

Khối ngoại (ròng): -462.94 tỷ

HNX-INDEX **106.30**Giá trị: 307.32 tỷ **-0.67 (-0.63%)**

Khối ngoại (ròng): -12.85 tỷ

UPCOM-INDEX **51.97**Giá trị: 256.23 tỷ **0.31 (0.6%)**

Khối ngoại(ròng): 6.31 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	14.3	-15.58%
Giá vàng	1,718	-0.68%
Tỷ giá USD/VND	23,475	-0.11%
Tỷ giá EUR/VND	25,397	0.38%
Tỷ giá JPY/VND	21,893	0.12%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	4.08%
LS TPCP 5 năm	2.4%	-3.76%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	9.6	VCB	-106.9
VIC	9.0	VPB	-83.0
SAB	7.3	VRE	-57.8
CTD	5.2	VNM	-53.4
VEA	4.1	STB	-37.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_3.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	11/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Chiến tranh thương mại	3.8%	3.8%	28.3%	28.3%	-18.8%	-18.8%	17.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.4%	1.4%	16.2%	16.2%	-19.4%	-19.4%	22.6%
Xây dựng	1.4%	1.4%	23.8%	23.8%	-15.1%	-15.1%	22.1%
Vật liệu Xây dựng	0.8%	0.8%	29.2%	29.2%	-12.5%	-12.5%	22.1%
Lãi suất giảm	-0.1%	-0.1%	27.2%	27.2%	-16.1%	-16.1%	19.2%
Nước & Năng lượng	-0.2%	-0.2%	21.8%	21.8%	-13.6%	-13.6%	22.1%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.3%	-0.3%	15.3%	15.3%	-7.7%	-7.7%	17.5%
VN Diamond	-0.4%	-0.4%	20.8%	20.8%	-20.5%	-20.5%	22.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.4%	-0.4%	22.4%	22.4%	-4.8%	-4.8%	15.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.5%	-0.5%	23.8%	23.8%	-16.1%	-16.1%	22.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.5%	-0.5%	20.4%	20.4%	-19.9%	-19.9%	17.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.8%	-0.8%	18.1%	18.1%	-22.0%	-22.0%	22.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.8%	-0.8%	24.4%	24.4%	-20.6%	-20.6%	22.1%
FTSE Việt Nam	-0.8%	-0.8%	14.5%	14.5%	-18.2%	-18.2%	15.6%
VN FinSelect	-0.9%	-0.9%	14.8%	14.8%	-19.8%	-19.8%	22.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.9%	-0.9%	16.9%	16.9%	-17.8%	-17.8%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.0%	-1.0%	15.1%	15.1%	-20.3%	-20.3%	17.5%
Corona Avengers	-1.0%	-1.0%	32.5%	32.5%	-12.7%	-12.7%	15.6%
Hàng tiêu dùng	-1.2%	-1.2%	34.5%	34.5%	-13.3%	-13.3%	15.6%
Ngân Hàng	-1.3%	-1.3%	13.1%	13.1%	-18.7%	-18.7%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.3%	-1.3%	20.2%	20.2%	-17.1%	-17.1%	17.5%
Stay-at-home	-1.8%	-1.8%	27.8%	27.8%	-7.3%	-7.3%	22.1%
Dầu khí	-2.7%	-2.7%	27.0%	27.0%	-31.3%	-31.3%	15.6%

Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.6%	0.6%	30.3%	30.3%	-21.0%	-21.0%	20.9%
S32	0.4%	0.4%	31.7%	31.7%	-22.7%	-22.7%	22.1%
L22	0.4%	0.4%	26.6%	26.6%	-17.0%	-17.0%	19.6%
M31	-0.1%	-0.1%	19.7%	19.7%	-18.3%	-18.3%	20.9%
L11	-0.5%	-0.5%	19.2%	19.2%	-17.4%	-17.4%	17.3%
S11	-0.6%	-0.6%	14.9%	14.9%	-12.2%	-12.2%	18.7%
M22	-0.6%	-0.6%	20.7%	20.7%	-15.2%	-15.2%	18.8%
S21	-0.7%	-0.7%	21.0%	21.0%	-18.1%	-18.1%	19.8%
M12	-0.9%	-0.9%	15.7%	15.7%	-17.4%	-17.4%	20.0%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.0%	1.0%	26.4%	26.4%	-9.9%	-9.9%	18.8%
LOW1	-0.9%	-0.9%	14.2%	14.2%	-15.7%	-15.7%	17.0%
MID1	-0.9%	-0.9%	22.0%	22.0%	-12.2%	-12.2%	17.4%

INDEX							
VNINDEX	-0.8%	-0.8%	16.3%	16.3%	-19.8%	-19.8%	16.8%
VN30INDEX	-0.7%	-0.7%	17.8%	17.8%	-18.1%	-18.1%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	11	12	11	12	17	6
Mục tiêu	9	8	1	8	1	7	2
Rủi ro	3	1	2	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

Vũ Quốc Khánh

kanhvhq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

TIP_ Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: TIP đang nằm trong nhịp tăng giá sau khi tích lũy trung hạn quanh ngưỡng giá 15. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với nhịp tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. TIP nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 22.5 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 17.0 và chốt lãi quanh ngưỡng giá 22.5. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 15.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bút phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bút phá

[Link](#)

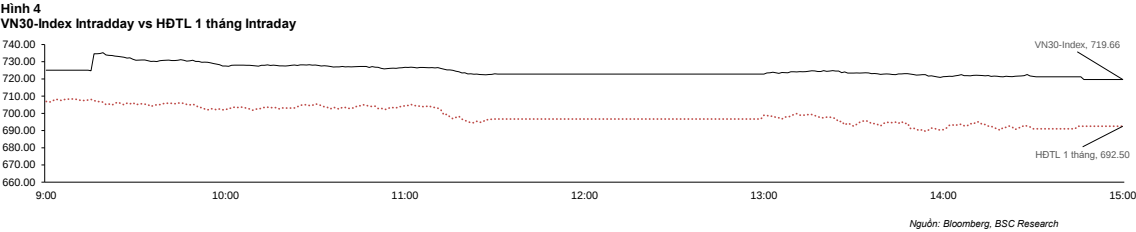
KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bút phá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	692.50	-0.66%	-27.16	-11.1%	209,723	5/21/2020	26
VN30F2006	683.60	-0.54%	-36.06	51.6%	867	6/18/2020	54
VN30F2009	683.00	-0.42%	-36.66	-13.6%	127	9/17/2020	145
VN30F2012	680.40	-0.83%	-39.26	-41.9%	68	12/17/2020	236

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -5.39 điểm xuống mức 719.66 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VCB, MBB, MSN, VIC, và VJC tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên sáng lên 735 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch giảm mạnh xuống dưới 720 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 725 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2005 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2006 và VN30F2012 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 670 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT2005	VND	7/1/2020	65	1:1	3,200	n/a	1.0 triệu	31.88%	2,900	6,680	83.52%	3,850.70	1.73
CMWG2005	VND	10/1/2020	157	2:1	26,370	n/a	1.0 triệu	38.20%	2,500	5,660	62.18%	2,596.10	2.18
CVPB2004	SSI	5/14/2020	17	1:1	374,870	349.5%	3.0 triệu	39.99%	4,100	170	41.67%	53.90	3.15
CMBB2004	VND	7/1/2020	65	1:1	71,110	n/a	2.0 triệu	32.65%	1,100	1,600	23.08%	431.90	3.70
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	86	1:1	91,060	-50.0%	1.5 triệu	39.99%	2,200	1,680	19.15%	53.90	31.17
CVPB2001	HSC	6/22/2020	56	2:1	382,320	440.8%	5.0 triệu	39.99%	1,500	1,200	7.14%	964.20	1.24
CVNM2002	KIS	12/16/2020	233	5:1	80,250	-46.0%	3.0 triệu	28.99%	3,200	1,540	4.05%	284.50	5.41
CFPT2003	SSI	11/9/2020	196	1:1	24,070	20.0%	2.0 triệu	31.88%	7,300	8,680	2.60%	5,668.30	1.53
CNVL2001	KIS	12/16/2020	233	4:1	56,010	1592.1%	2.0 triệu	17.32%	2,300	1,400	0.00%	76.70	18.25
CHPG2002	KIS	12/16/2020	233	2:1	93,210	87.3%	3.0 triệu	32.51%	1,700	1,120	-0.88%	230.30	4.86
CMSN2001	KIS	12/16/2020	233	5:1	107,530	72.9%	2.0 triệu	31.99%	2,300	2,000	-0.99%	782.60	2.56
CHPG2001	HSC	6/30/2020	64	2:1	151,400	82.7%	5.0 triệu	32.51%	1,800	670	-1.47%	264.40	2.53
CVHM2001	KIS	12/16/2020	233	5:1	122,610	39.5%	2.0 triệu	32.24%	3,100	1,320	-2.22%	155.00	8.52
CHPG2004	SSI	6/15/2020	49	1:1	134,760	-20.5%	5.0 triệu	32.51%	2,800	1,010	-3.81%	517.00	1.95
CFPT2004	SSI	8/10/2020	105	1:1	16,600	-9.8%	2.0 triệu	31.88%	5,100	6,220	-4.31%	4,140.70	1.50
CSTB2002	KIS	12/16/2020	233	1:1	98,770	14.0%	3.0 triệu	37.30%	1,700	1,190	-5.56%	340.00	3.50
CVIC2001	KIS	12/16/2020	233	5:1	33,270	41487.5%	2.0 triệu	30.50%	2,700	2,000	-6.10%	300.30	6.66
CREE2001	HSC	6/22/2020	56	5:1	868,240	958.4%	5.0 triệu	30.56%	1,100	240	-7.69%	34.10	7.04
CSTB2001	KIS	6/19/2020	53	1:1	256,390	325.0%	5.0 triệu	37.30%	1,500	360	-7.69%	55.00	6.55
CDPM2002	KIS	12/16/2020	233	1:1	43,730	550.7%	2.0 triệu	36.62%	1,700	2,690	-9.73%	1,258.20	2.14
CMBB2002	SSI	8/10/2020	105	1:1	33,580	-3.5%	3.0 triệu	32.65%	1,300	980	-12.50%	415.00	2.36
CHPG1909	KIS	5/15/2020	18	2:1	626,070	2.6%	5.0 triệu	34.57%	1,800	100	-23.08%	19.90	5.03
Tổng:					3,695,420		64.50 triệu	33.37%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/4/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

- Về giá, CFPT2005 và CMWG2005 tăng mạnh trong phiên giao dịch đầu tiên lần lượt là 0.84 và 0.62 lần. Trái lại, CMBB2002 và CDPM2002 giảm mạnh lần lượt là -12.5% và -9.73%. Giá trị giao dịch tăng 55.35%. CVPB2001 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.43% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, STB, VPB, và VRE, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CMSN2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	21.00	2.44	1.16
POW	9.90	3.66	0.22
CTD	64.00	5.61	0.16
ROS	3.88	4.58	0.06
SAB	180.00	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VCB	66.8	-3.05	-0.85
MBB	15.7	-2.18	-0.68
MSN	58.5	-1.68	-0.64
VIC	92.0	-1.08	-0.63
VJC	113.5	-1.48	-0.61

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2005	51,900	49,000	50,700
CMWG2005	97,000	92,000	82,200
CVPB2004	28,100	24,000	21,000
CMBB2004	18,100	17,000	15,700
CVPB2003	24,200	22,000	21,000
CVPB2001	23,000	20,000	21,000
CVNM2002	157,111	141,111	102,800
CFPT2003	57,300	50,000	50,700
CNVL2001	75,088	65,888	52,800
CHPG2002	33,399	29,999	21,950
CMSN2001	77,289	65,789	58,500
CHPG2001	27,600	24,000	21,950
CVHM2001	110,067	94,567	64,500
CHPG2004	26,300	23,500	21,950
CFPT2004	55,100	50,000	50,700
CSTB2002	13,588	11,888	8,990
CVIC2001	139,968	126,468	92,000
CREE2001	39,553	34,311	30,500
CSTB2001	12,499	10,999	8,990
CDPM2002	16,952	15,252	13,900
CMBB2002	19,300	18,000	15,700
CHPG1909	28,280	24,680	21,950

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	82.2	-1.0%	1.2	1,618	4.0	8,655	9.5	3.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	58.0	-2.5%	1.3	568	2.4	5,248	11.1	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	46.5	-1.2%	1.4	1,499	0.6	1,632	28.5	1.8	28.8%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.7	0.0%	0.6	308	0.2	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	92.0	-1.1%	0.9	13,530	1.8	2,310	39.8	4.0	14.1%	11.7%
VRE	Bất động sản	23.5	-2.1%	1.1	2,322	3.5	1,226	19.2	2.0	31.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.8	-0.4%	0.8	2,226	1.9	3,552	14.9	2.3	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	30.5	-0.3%	0.9	411	0.6	5,287	5.8	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.7	1.9%	1.5	220	1.4	2,289	4.3	0.7	40.4%	15.9%
SSI	Chứng khoán	13.1	-1.1%	1.3	342	1.2	1,787	7.3	0.7	51.3%	9.9%
VCI	Chứng khoán	17.7	-4.1%	1.0	126	0.3	4,240	4.2	0.7	34.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.0	-0.9%	1.8	226	0.8	1,480	11.5	1.2	54.6%	12.0%
FPT	Công nghệ	50.7	-0.6%	0.8	1,503	3.1	4,631	10.9	2.5	49.2%	23.7%
FOX	Công nghệ	47.0	2.0%	0.4	508	0.0	4,812	9.8	2.5	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	64.2	-1.4%	1.5	5,342	1.3	5,820	11.0	2.4	3.4%	23.6%
PLX	Dầu khí	40.2	-2.8%	1.5	2,081	1.9	3,495	11.5	2.1	13.1%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.6	-0.9%	1.6	241	1.5	1,777	6.5	0.5	14.8%	7.1%
BSR	Dầu khí	5.8	-4.9%	0.8	782	0.6	898	6.5	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.1	-0.7%	0.5	518	0.1	5,046	18.1	3.4	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.9	-7.3%	0.6	237	3.8	1,006	13.8	0.7	16.0%	5.4%
DCM	Hóa chất	7.8	0.6%	0.6	180	0.6	592	13.2	0.7	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	66.8	-3.0%	1.2	10,772	7.5	4,848	13.8	2.9	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	35.1	-2.5%	1.6	6,138	1.9	2,366	14.8	1.9	17.8%	13.3%
CTG	Ngân hàng	18.9	-1.8%	1.2	3,052	3.6	2,510	7.5	0.9	29.7%	12.6%
VPB	Ngân hàng	21.0	2.4%	1.2	2,226	8.4	3,750	5.6	1.1	23.1%	22.7%
MBB	Ngân hàng	15.7	-2.2%	1.1	1,646	3.3	3,398	4.6	0.9	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	20.1	-1.0%	1.0	1,453	1.7	3,780	5.3	1.1	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	45.7	0.7%	0.9	163	0.3	5,165	8.8	1.5	79.2%	17.2%
NTP	Nhựa	32.7	0.9%	0.4	140	0.1	4,208	7.8	1.3	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.1	-0.7%	0.6	649	0.0	356	42.4	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	22.0	-0.7%	1.1	2,635	6.4	2,764	7.9	1.3	36.8%	17.1%
HSG	Thép	7.4	1.9%	1.7	143	2.5	1,161	6.4	0.6	17.5%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	102.8	0.0%	0.7	7,783	8.9	5,478	18.8	6.5	58.6%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	180.0	0.0%	0.8	5,019	0.6	7,477	24.1	6.1	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	58.5	-1.7%	1.0	2,973	2.9	4,772	12.3	1.6	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	13.7	-2.5%	0.8	349	1.4	508	27.0	1.1	5.8%	4.4%
ACV	Vận tải	58.5	-1.3%	0.8	5,537	0.4	3,450	17.0	3.5	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	113.5	-1.5%	1.1	2,585	1.4	7,889	14.4	3.9	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	26.6	-2.9%	1.7	1,637	1.6	1,654	16.1	2.1	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	17.5	0.3%	1.0	226	0.2	1,602	10.9	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	10.0	-2.4%	1.0	122	0.9	2,398	4.2	0.6	26.3%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	60.2	0.7%	1.0	419	0.7	9,201	6.5	2.8	2.5%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.0	3.0%	0.8	331	0.3	1,453	11.7	1.2	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.1	-1.1%	0.9	217	0.0	1,938	6.8	0.9	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	64.0	5.6%	1.2	212	1.3	8,032	8.0	0.6	46.3%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	0.4%	0.5	484	0.2	1,548	16.3	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.5	2.1%	0.4	210	1.4	760	25.6	0.9	45.6%	3.7%
POW	Điện	9.9	3.7%	0.6	1,008	3.2	1,028	9.6	0.9	11.5%	9.4%
NT2	Điện	20.4	-1.2%	0.6	255	0.5	2,543	8.0	1.4	17.5%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	10.65	6.93	0.79	1.66MLN
VPB	21.00	2.44	0.35	8.93MLN
POW	9.90	3.66	0.23	7.55MLN
KBC	12.80	6.67	0.11	5.72MLN
PHR	45.85	6.38	0.11	2.94MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-2.22	2.55MLN	1.11MLN
BID	0.00	-1.03	1.21MLN	607060.00
VIC	0.00	-0.97	453720.00	373600.00
GAS	0.00	-0.49	476510.00	192700.00
VHM	0.00	-0.48	1.24MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	4.29	6.98	0.00	10.00
VHC	29.15	6.97	0.10	871950.00
DHM	5.37	6.97	0.00	364240.00
HRC	33.00	6.97	0.02	530.00
QCG	7.71	6.93	0.04	467190.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPM	13.90	-7.33	-0.12	6.17MLN
PXS	3.50	-6.91	0.00	174810.00
DXV	2.58	-6.86	0.00	53540.00
MDG	12.20	-6.51	0.00	210.00
HTT	0.89	-6.32	0.00	22720.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHN	7.40	8.82	0.07	10800.00
TAR	33.20	9.93	0.05	373800.00
PTI	18.80	9.30	0.03	300.00
SZB	32.20	7.33	0.03	20700.00
DNP	16.90	2.42	0.02	600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	16.10	-1.83	-0.40	2.54MLN
ACB	20.10	-0.99	-0.32	1.95MLN
NVB	8.00	-2.44	-0.08	2.01MLN
SHS	7.80	-3.70	-0.04	1.44MLN
VC3	16.40	-2.96	-0.03	250300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

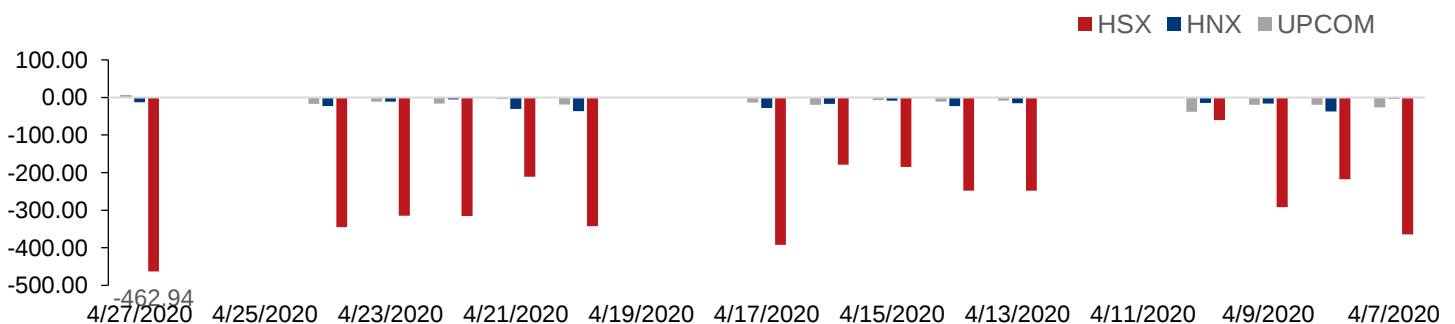
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KVC	0.90	12.5	0.01	1.08MLN
PVX	0.90	12.5	0.02	520200.00
HHG	1.10	10.0	0.00	183400.00
PSI	2.20	10.0	0.00	5900.00
TAR	33.20	9.9	0.05	373800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	-12.50	0.00	131600.00
PDB	8.80	-10.20	-0.01	400.00
CLH	18.20	-9.90	-0.01	1000.00
VDL	21.20	-9.79	-0.01	1000.00
PGT	5.60	-9.68	0.00	1000.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

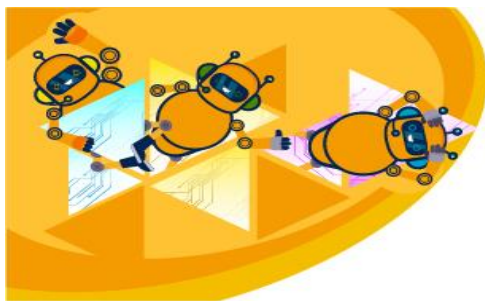


Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
6	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
10	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
11	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	45.9	3,887	11.8	2.3	Click
2	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	50.7	4,631	10.9	2.5	Click
3	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	17.5	1,602	10.9	0.9	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.1	3,780	5.3	1.1	Click
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.8	1,954	6.5	0.6	Click
6	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	180.0	7,477	24.1	6.1	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	20.5	1,688	12.1	1.5	Click
8	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	102.8	5,478	18.8	6.5	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.7	2,690	4.7	0.7	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	82.2	8,655	9.5	3.0	Click
11	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	29.2	6,553	4.4	1.1	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	50.7	4,631	10.9	2.5	Click
13	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	18.6	2,282	8.1	1.3	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	23.4	4,465	5.2	1.1	Click
15	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	91.1	5,046	18.1	3.4	Click
16	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.9	4,313	5.3	1.1	Click
17	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	58.0	5,248	11.1	2.6	Click
18	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.0	2,398	4.2	0.6	Click
19	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	164.0	14,782	11.1	4.5	Click
20	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.0	0	20.3	0.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kìm): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000 ; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài,... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fwd = 18.1x, PB fwd = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quỹ.
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DTT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNNT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNNT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn